

**KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 15 - NĂM 2019**

STT	SBD	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	TOÁN KINH TẾ	KINH TẾ HỌC	ANH VĂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	K15.001	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	03/2/1997	Thái Bình	V	V	V		
2	K15.002	Trương Văn	Anh	Nam	18/10/1986	Thái Bình	0,25	2,25	V		
3	K15.003	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	21/2/1997	Bình Phước	7,50	5,50	MT	13,00	
4	K15.004	Nguyễn Ngọc Mỹ	Anh	Nữ	21/11/1997	An Giang	10	8,25	MT	18,25	
5	K15.005	Chu Chung	Cang	Nam	12/11/1986	TP.HCM	9,50	9,00	MT	18,50	
6	K15.006	Đặng Quyết	Chiến	Nam	12/11/1989	Vũng Tàu	V	V	V		
7	K15.007	Lục Đức	Công	Nam	31/08/1988	Hà Nội	5,00	7,00	7,88	12,00	
8	K15.008	Nguyễn Hữu	Cường	Nam	29/4/1996	Bình Phước	V	V	V		
9	K15.009	Nguyễn Vĩnh	Đặng	Nam	13/7/1996	Đồng Tháp	10	8,75	MT	18,75	
10	K15.010	Vũ Tiến Hoàng	Đạo	Nam	18/7/1975	Hòa Bình	V	V	V		
11	K15.011	Vũ Thị Phương	Dung	Nữ	26/8/1984	TP.HCM	8,00	5,25	6,38	13,25	
12	K15.012	Nguyễn Khắc Hoàng	Dũng	Nam	08/4/1990	Bình Thuận	10	9,50	8,50	19,50	
13	K15.013	Nguyễn Văn	Dương	Nam	11/8/1993	Bắc Giang	6,00	6,25	1,75	12,25	
14	K15.014	Ngô Minh	Duy	Nam	10/09/1983	An Giang	5,00	6,50	7,38	11,50	
15	K15.015	Văn Thị Thùy	Duyên	Nữ	03/11/1988	Quảng Trị	9,00	9,50	7,13	18,50	
16	K15.016	Lý Trần	Giang	Nam	14/11/1984	TP.HCM	8,00	8,25	6,00	16,25	

STT	SBD	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	TOÁN KINH TẾ	KINH TẾ HỌC	ANH VĂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
17	K15.017	Bùi Văn	Giàu	Nam	25/4/1988	An Giang	8,00	5,50	7,63	13,50	
18	K15.018	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	09/9/1992	Đắk Lắk	10	9,00	8,88	19,00	
19	K15.019	Trần Ngọc Lệ	Hằng	Nữ	28/7/1980	An Giang	8,50	9,00	8,88	17,50	
20	K15.020	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	28/2/1994	Đắk Lắk	10	8,50	7,63	18,50	
21	K15.021	Lê Trung	Hiếu	Nam	07/1/1988	Đồng Nai	10	8,75	7,00	18,75	
22	K15.022	Bùi Trung	Hiếu	Nam	31/7/1997	Gia Lai	6,00	5,00	MT	11,00	
23	K15.023	Hồ Tấn	Hoành	Nam	16/11/1982	TP.HCM	7,50	7,75	5,25	15,25	
24	K15.024	Huỳnh Thu	Hồng	Nữ	13/9/1982	An Giang	9,00	6,50	8,50	15,50	
25	K15.025	Lê Quang	Huê	Nam	10/4/1994	Quảng Ngãi	9,00	8,25	6,50	17,25	
26	K15.026	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	09/9/1977	Hải Phòng	V	V	V		
27	K15.027	Mai Thị Kim	Hương	Nữ	10/3/1993	An Giang	10	8,75	8,13	18,75	
28	K15.028	Lê Cẩm	Hường	Nữ	16/6/1987	An Giang	10	9,25	8,63	19,25	
29	K15.029	Ngô Đức	Huy	Nam	16/01/1992	TP.HCM	5,00	V	V		
30	K15.030	Nguyễn Đức	Huy	Nam	22/6/1993	An Giang	10	7,00	8,00	17,00	
31	K15.031	Lê Lệ	Huyền	Nữ	22/2/1994	An Giang	10	8,50	8,50	18,50	
32	K15.032	Trịnh Minh	Khang	Nam	21/1/1996	Lâm Đồng	5,00	5,25	MT	10,25	
33	K15.033	Nguyễn Tiến	Khôi	Nam	06/03/1997	Bình Định	8,00	5,25	3,63	13,25	
34	K15.034	Hồ Thế	Kiên	Nam	25/10/1994	Hà Tĩnh	7,00	7,25	3,13	14,25	
35	K15.035	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	Nữ	26/8/1994	An Giang	6,00	7,50	7,00	13,50	
36	K15.036	Phạm Thị Hồng	Liên	Nữ	09/2/1992	Quảng Trị	10	9,50	9,25	19,50	
37	K15.037	Bùi Mai Khánh	Linh	Nữ	05/6/1997	Gia Lai	9,00	7,50	MT	16,50	

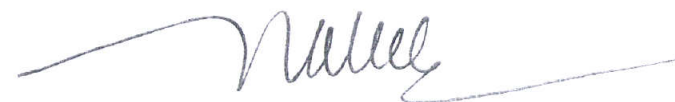
STT	SBD	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	TOÁN KINH TẾ	KINH TẾ HỌC	ANH VĂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
38	K15.038	Nguyễn Ngô Mỹ	Linh	Nữ	06/1/1996	TP.HCM	V	V	V		
39	K15.039	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	21/12/1997	Nam Định	8,00	8,75	MT	16,75	
40	K15.040	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	22/11/1996	TP.HCM	10	8,50	MT	18,50	
41	K15.041	Trương Thị Hồng	Loan	Nữ	26/8/1997	Bến Tre	10	6,75	MT	16,75	
42	K15.042	Nguyễn Thị Hải	Loan	Nữ	15/2/1988	An Giang	9,00	9,50	8,00	18,50	
43	K15.043	Nguyễn Thanh	Nam	Nam	21/2/1993	Bắc Ninh	10	9,25	5,13	19,25	
44	K15.044	Phan Thị Ngọc	Ngà	Nữ	11/4/1991	Long An	5,00	5,00	6,25	10,00	
45	K15.045	Nguyễn Thị Bích	Ngân	Nữ	04/4/1983	An Giang	6,00	6,50	6,63	12,50	
46	K15.046	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	08/04/1996	TP.HCM	9,50	8,50	MT	18,00	
47	K15.047	Phạm Thị Cẩm	Ngọc	Nữ	6/1/1995	Thừa Thiên Hu	9,00	8,75	7,88	17,75	
48	K15.048	Nguyễn Bình Thu	Nguyệt	Nữ	03/2/1981	An Giang	8,00	2,00	8,13	10,00	
49	K15.049	Đỗ Lê Minh	Nhật	Nữ	28/9/1996	Đắk Lắk	7,00	9,00	8,13	16,00	
50	K15.050	Trần Thị	Nhịn	Nữ	10/11/1992	Long An	10	6,00	8,13	16,00	
51	K15.051	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	Nữ	24/4/1995	An Giang	10	9,00	5,75	19,00	
52	K15.052	Trần Nguyên	Phúc	Nam	31/7/1993	An Giang	10	8,25	8,38	18,25	
53	K15.053	Hàn Ái	Quốc	Nam	10/3/1997	TP.HCM	V	V	V		
54	K15.054	Phan Hoàng	Son	Nam	17/1/1984	TP.HCM	10	8,25	6,25	18,25	
55	K15.055	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	12/2/1985	Nghệ An	8,50	8,25	6,00	16,75	
56	K15.056	Phương Hoài	Tâm	Nữ	07/9/1982	Long An	7,50	5,75	8,38	13,25	
57	K15.057	Phạm Tất	Thắng	Nam	09/8/1995	TP.HCM	5,00	6,25	8,63	11,25	
58	K15.058	Võ Nguyệt	Thanh	Nữ	02/3/1988	An Giang	10	9,00	7,13	19,00	

STT	SBD	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	TOÁN KINH TẾ	KINH TẾ HỌC	ANH VĂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
59	K15.059	Nguyễn Thượng	Thành	Nam	13/3/1982	An Giang	9,00	8,25	8,13	17,25	
60	K15.060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	09/4/1987	Hà Nam	9,50	9,50	8,38	19,00	
61	K15.061	Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	19/4/1996	Tây Ninh	9,50	9,50	MT	19,00	
62	K15.062	Diệp Huỳnh Thanh	Thảo	Nữ	09/9/1979	An Giang	7,50	5,00	7,25	12,50	
63	K15.063	Nguyễn Duy	Thông	Nam	20/12/1981	Bình Định	V	V	V		
64	K15.064	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	Nữ	28/6/1985	TP.HCM	9,50	7,25	9,00	16,75	
65	K15.065	Vũ Trường	Thụ	Nam	19/6/1981	Thái Bình	9,50	7,50	9,25	17,00	
66	K15.066	Huỳnh Ngân	Thủy	Nữ	19/9/1997	TP.HCM	8,50	8,00	MT	16,50	
67	K15.067	Lê Thị Mỹ	Tiên	Nữ	05/9/1996	An Giang	9,50	7,75	MT	17,25	
68	K15.068	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	22/5/1996	Quảng Bình	9,00	9,00	9,50	18,00	
69	K15.069	Phan Diễm	Trang	Nữ	31/3/1973	Đồng Tháp	10	9,25	MT	19,25	
70	K15.070	Đặng Thị Ánh	Triết	Nữ	15/10/1981	Bình Thuận	9,00	8,50	MT	17,50	
71	K15.071	Lương Bá	Trung	Nam	03/10/1987	Cần Thơ	10	8,00	7,00	18,00	
72	K15.072	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	31/1/1987	TP.HCM	10	9,50	7,63	19,50	
73	K15.073	Dương Đình	Tứ	Nam	22/12/1978	Nam Định	10	9,00	8,75	19,00	
74	K15.074	Bùi Quốc	Tuấn	Nam	20/6/1970	Bến Tre	V	V	V		
75	K15.075	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	15/6/1978	TP.HCM	6,50	7,50	MT	14,00	
76	K15.076	Mạch Kim	Tường	Nam	03/10/1981	An Giang	9,50	8,75	6,00	18,25	
77	K15.077	Châu Trương Thị Tường	Vi	Nữ	08/1/1986	An Giang	8,50	9,00	8,75	17,50	
78	K15.078	Trần Minh	Vũ	Nam	30/10/1980	TP.HCM	6,00	7,75	5,75	13,75	
79	K15.079	Lê Thanh	Vũ	Nam	19/9/1989	An Giang	8,50	8,75	5,75	17,25	

STT	SBD	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	TOÁN KINH TẾ	KINH TẾ HỌC	ANH VĂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
80	K15.080	Trần Hoàng	Vương	Nữ	20/5/1987	TP.HCM	10	9,25	9,75	19,25	
81	K15.081	Đặng Hoàng	Yến	Nữ	13/4/1995	Long An	9,50	8,50	7,13	18,00	
82	K15.082	Lê Thị Mai	Yến	Nữ	05/7/1994	An Giang	9,00	7,75	6,50	16,75	

TP.HCM, Ngày 26 tháng 12 năm 2019

TRƯỞNG BAN CHẤM THI



TS. Đặng Thị Ngọc Lan

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hoàng Đức Long

CHÍNH